

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 21-11-2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Trọn.

Ông Nguyễn Ngọc Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Tùng Kháng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 246/2018/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 8 năm 2018, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị L, sinh năm 1980 (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh N, sinh năm 1986 (Vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/8/2018 cùng các văn bản khác kèm theo và tại phiên tòa, bà Dương Thị L trình bày:

Bà (Dương Thị L) và ông Nguyễn Minh N chung sống với nhau như vợ chồng có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau vào ngày 15/10/2007. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Cũng có khi ông N đánh đập bà. Bà và ông N không còn

chung sống với nhau từ tháng 12/2016 cho đến nay. Bà tự nhận thấy không có khả năng hòa giải, hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Minh N. Về con chung có 02 người tên là Nguyễn Khả A (giới tính nữ) sinh ngày 31/01/2009, Nguyễn Thảo T (giới tính nữ) sinh ngày 14/12/2010. Bà yêu cầu giao cả hai người con chung cho ông N nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12/9/2018 cùng các văn bản khác kèm theo, bị đơn là ông Nguyễn Minh N trình bày:

Ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L. Về con chung đúng như bà L trình bày, ông yêu cầu được nuôi cả hai người con chung không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu đặt ra xem xét. Đồng thời ông yêu cầu không hòa giải đối với bà L, yêu cầu được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Chính quyền địa phương áp H, xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau xác định: Trường hợp giữa bà Dương Thị L và ông Nguyễn Minh N trong quá trình chung sống, phát sinh mâu thuẫn không thông báo và cũng không yêu cầu chính quyền địa phương hòa giải nên không xác định được tình trạng mâu thuẫn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà Dương Thị L ly hôn với ông Nguyễn Minh N. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về người nuôi con chung và không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu nên không đề nghị đặt ra xử lý. Về án phí buộc bà Dương Thị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bà Dương Thị L yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Minh N nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Minh N vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối ông Nguyễn Minh N là có căn cứ.

[2]. Xét về hôn nhân, bà Dương Thị L và ông Nguyễn Minh N chung sống với nhau như vợ chồng có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau, được chứng nhận kết hôn vào ngày 15/10/2007. Do đó hôn nhân của bà Dương Thị L và ông Nguyễn Minh N được công nhận là hôn

nhân hợp pháp phù hợp với Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, bà Dương Thị L và ông Nguyễn Minh N được công nhận là vợ chồng. Về mâu thuẫn, cả hai thống nhất xác định trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Đồng thời cả hai xác định không còn tình cảm dành cho nhau, không thể hòa giải, hàn gắn. Cả hai nhận thấy hôn nhân không đạt, bà Dương Thị L yêu cầu được ly hôn, ông Nguyễn Minh N đồng ý ly hôn. Xét thấy, ông Nguyễn Minh N không muốn hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó có cơ sở để chấp nhận cho bà Dương Thị L ly hôn với ông Nguyễn Minh N.

[3]. Về con chung: Cả hai thống nhất xác định có 02 người con chung tên là Nguyễn Khả A (giới tính nữ) sinh ngày 31/01/2009, Nguyễn Thảo T (giới tính nữ) sinh ngày 14/12/2010. Cả hai thống nhất thỏa thuận giao 02 người con chung là cho ông N nuôi dưỡng, bà L không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy sự thỏa thuận này phù hợp với quy định của các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình nên có cơ sở để chấp nhận.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất xác định không có, đồng thời không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét là phù hợp.

[5]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Dương Thị L phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các điều 9, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Dương Thị L ly hôn với ông Nguyễn Minh N.

2. Về con chung, ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà Dương Thị L ly hôn với ông Nguyễn Minh N, sự thỏa thuận cụ thể như sau:

Giao hai người con chung tên là Nguyễn Khả A (giới tính nữ) sinh ngày 31/01/2009, Nguyễn Thảo T (giới tính nữ) sinh ngày 14/12/2010 cho ông Nguyễn Minh N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Minh N về việc không yêu cầu bà Dương Thị L phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Dương Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Dương Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Bà Dương Thị L đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007241 ngày 27 tháng 8 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyên thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA;
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- UBND xã V, huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Phước

